

NGHỊ QUYẾT

**Về quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án
bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh**

SỞ TƯ PHÁP QUẢNG NAM

ĐẾN

Số: 2.40.9

Ngày: 07/08/2016

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Xét Tờ trình số 3247/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 28/BC-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh, với các nội dung chủ yếu sau đây:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết và thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Mức thu phí

1. Thu phí thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết lần đầu

a) Nhóm dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường có tổng vốn đầu tư từ 50 tỷ đồng trở xuống, mức thu phí là 5 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng, mức thu phí là 6,5 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng, mức thu phí là 12 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng, mức thu phí là 14 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đồng, mức thu phí là 17 triệu đồng/dự án.

b) Nhóm dự án công trình dân dụng có tổng vốn đầu tư từ 50 tỷ đồng trở xuống, mức thu phí là 6,9 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng, mức thu phí là 8,5 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng, mức thu phí là 15 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng, mức thu phí là 16 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đồng, mức thu phí là 25 triệu đồng/dự án.

c) Nhóm dự án hạ tầng kỹ thuật có tổng vốn đầu tư từ 50 tỷ đồng trở xuống, mức thu phí là 7,5 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng, mức thu phí là 9,5 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng, mức thu phí là 17 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng, mức thu phí là 18 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đồng, mức thu phí là 25 triệu đồng/dự án.

d) Nhóm dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản có tổng vốn đầu tư từ 50 tỷ đồng trở xuống, mức thu phí là 7,8 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng, mức thu phí là 9,5 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng, mức thu phí là 17 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng, mức thu phí là 18 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đồng, mức thu phí là 24 triệu đồng/dự án.

e) Nhóm dự án giao thông có tổng vốn đầu tư từ 50 tỷ đồng trở xuống, mức thu phí là 8,1 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng, mức thu phí là 10 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng, mức thu phí là 18 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng, mức thu phí là 20 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đồng, mức thu phí là 25 triệu đồng/dự án.

f) Nhóm dự án công nghiệp có tổng vốn đầu tư từ 50 tỷ đồng trở xuống, mức thu phí là 8,4 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng, mức thu phí là 10,5 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng, mức thu phí là 19 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng, mức thu phí là 20 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đồng, mức thu phí là 26 triệu đồng/dự án.

g) Nhóm dự án khác (không thuộc nhóm a, b, c, d, e, f) có tổng vốn đầu tư từ 50 tỷ đồng trở xuống, mức thu phí là 5 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng, mức thu phí là 6 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 100 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng, mức thu phí là 10,8 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng, mức thu phí là 12 triệu đồng/dự án; có tổng vốn đầu tư trên 500 tỷ đồng, mức thu phí là 15,6 triệu đồng/dự án.

2. Trường hợp thẩm định lại đề án bảo vệ môi trường chi tiết chưa được thông qua, mức thu bằng 50% mức thu áp dụng đối với đề án bảo vệ môi trường lần đầu.

Điều 4. Quản lý và sử dụng

1. Kể từ ngày nghị quyết này có hiệu lực thi hành: Trích để lại cho cơ quan quản lý thu 90% tổng số tiền thu được; nộp vào ngân sách nhà nước 10% theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Kể từ ngày 01/01/2017 (ngày Luật Phí và lệ phí có hiệu lực thi hành): Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án môi trường chi tiết được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về phí và lệ phí.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

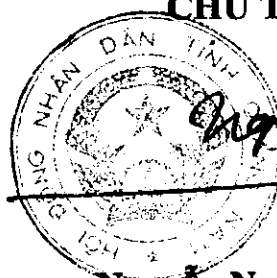
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2016 và có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành././ *kh*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Các Bộ: TC; TN&MT;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- TTXVN tại Q.Nam;
- Báo Q.Nam, Đài PT-TH Q.Nam;
- CPVP, CV;
- Lưu: VT, CTHĐ(Bình).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Quang
Nguyễn Ngọc Quang